

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 01/2023/DS-ST

Ngày: 03/01/2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Thuận.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thúy Nga

2. Ông Nguyễn Thanh Bình

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên Tòa: Cao Quốc Thuận – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 01 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 266/2022/TLST-DS, ngày 14 tháng 10 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 243/2022/QĐXX-DS, ngày 28 tháng 11 năm 2022 và thông báo mở lại phiên tòa số 07/2022/TBML-PT, ngày 16/12/2022 giữa:

1/*Nguyên đơn:* Trần Chí T, sinh năm: 1950

Nơi cư trú: Số 150, đường 3/2, khu phố 5, TT.Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

2/*Bị đơn:* Trần Thị Tuyết N, sinh năm: 1986

Nơi cư trú: số 148, đường Điện Biên Phủ, khu phố 5, TT.Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

3/*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

-Võ Thị X, sinh năm: 1962 (vợ ông Tài)

Người đại diện theo ủy quyền: Trần Chí T, sinh năm: 1950

Cùng nơi cư trú: Số 150, đường 3/2, khu phố 5, TT.Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 28/12/2022; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ông có quen biết với chị Trần Thị Tuyết N nên vào ngày 10/7/2021 dương lịch, chị N có đến nhà ông để hỏi vay tiền. Vì vậy ông có cho chị N vay số tiền 200.000.000đồng, khi chị N vay tiền của ông thì chị N có nói vay dùng mục đích để chi tiêu trong gia đình, còn thực tế vay dùng vào mục đích gì thì ông không biết. Khi ông cho vay, thì giấy vay đều do chị N viết và hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng; còn thời hạn vay là thỏa thuận bằng miệng là 1 năm. Sau khi ông cho vay được vài tháng thì ông có xuống nhà chị N nhiều lần để đòi tiền lãi, nhưng chị N không trả; được khoảng vài tháng sau khi vay thì ông không biết chị N đã bỏ đi đâu, ông có hỏi gia đình chị N, nhưng gia đình chị N cũng không biết. Vì vậy nay ông yêu cầu chị N phải trả cho ông số tiền 200.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi là 1,66%/tháng, kể từ ngày vay cho đến nay.

Theo tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập, thì chị Trần Thị Tuyết N đã bỏ nhà đi từ ngày 08/01/2022 (âm lịch) cho đến nay, hiện tại chồng chị là anh Võ Văn Đ cũng không biết chị đã bỏ đi đâu. Vì vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh phát biểu ý kiến như sau:

-Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

-Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thì nguyên đơn, người liên quan đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được Tòa án niêm yết công khai. Vì vậy xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

-Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Về tiền gốc và lãi:

-Buộc chị Trần Thị Tuyết N phải trả cho ông Trần Chí T và bà Võ Thị X số tiền gốc 200.000.000đồng và tiền lãi là 1,66%/tháng kể từ ngày vay.

Về án phí DSST: Chị Trần Thị Tuyết N phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, những lời khai được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn và Kiểm Sát Viên tại phiên tòa;

[1]Về thủ tục tố tụng: Kể từ ngày Tòa án nhân dân huyện Đức Linh thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định về việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho đương sự được quy định tại chương X Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần Chí T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 28/12/2022. Hội đồng xét xử xét thấy rằng nội dung và hình thức của đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đúng theo quy định của pháp luật và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng pháp luật.

Đối với bị đơn Trần Thị Tuyết N: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ và có đủ căn cứ chứng minh vào thời gian này, bị đơn có hộ khẩu thường trú số 148, đường Điện Biên Phủ, khu phố 5, TT.Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Tuy nhiên sau khi vay tiền của ông Tài thì chị N đã bỏ đi từ 08/01/2022 (âm lịch). Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật

Căn cứ vào khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự: *“Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn liền với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới”*

Từ tất cả các phân tích và các quy định của pháp luật ở trên đã chứng minh chị Trần Thị Tuyết N cố tình dấu địa chỉ, nơi cư trú của mình. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

[2] Xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện đề ngày 20/01/2022 và các tài liệu chứng cứ cũng như lời khai của các đương sự, Tòa án xác định đây là vụ án: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét về nội dung vụ án:

[4.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc khởi kiện chị Trần Thị Tuyết N là bị đơn trong việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[4.2] Xét về giấy vay tiền ngày 10/7/2021

- Đối với giấy vay tiền ngày 10/7/2021 dương lịch (bút lục 08): giấy vay tiền này là chữ ký và chữ viết của chị N, trong giấy vay có địa chỉ rất rõ của chị N cũng như thỏa thuận về số tiền vay, thỏa thuận lãi suất, thời hạn cho vay. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền vay gốc, tiền lãi suất là có căn cứ để chấp nhận.

[4.3] Xét về tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập:

Anh Võ Văn Đạt là chồng hợp pháp của chị N khai rằng: anh và chị N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND TT. Đức Tài, sau khi kết hôn thì anh chị về TT. Đức Tài chung sống, chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị N gây nợ không rõ nguyên nhân nợ. Hiện tại chị N đã bỏ nhà đi từ ngày 08/01/2022 (âm lịch) cho đến nay, anh không rõ bỏ đi đâu, cha mẹ chị N cũng không biết chị N ở đâu. Anh không biết chị N vay bao nhiêu tiền, vay của bao nhiêu người.

Điều đó đã chứng minh chị N đã vay tiền của nhiều người, trong đó có vay của ông Tài và chứng minh chị đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, chị không thực hiện việc nghĩa vụ của mình là thông báo nơi cư trú mới của chị đối với nguyên đơn theo quy định tại khoản 3, Điều 40 Bộ luật dân sự.

[4.4] Về tiền lãi:

Trong giấy vay tiền mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng vay trên, có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng được nguyên đơn và bị đơn thống nhất về lãi suất. Tuy nhiên, lãi suất nguyên đơn cho vay cao hơn lãi suất do pháp luật quy định. Vì vậy phần lãi cao hơn pháp luật quy định sẽ không có hiệu lực pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ điều chỉnh lại lãi suất theo quy định của pháp luật là 1,66%/tháng.

Từ tất cả các phân tích trên, cho thấy đã chứng minh rằng đây là hợp đồng cho vay có lãi.

Cụ thể được tính như sau:

Giấy vay ngày 10/7/2021 đến ngày 03/01/2023 là 17 tháng 23 ngày, cụ thể được tính lãi như sau:

$200.000.000\text{đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 17\text{ tháng} + 23\text{ ngày} = 58.985.000\text{đồng tiền lãi}$

Tổng cộng: $200.000.000\text{đồng tiền gốc} + 58.985.000\text{đồng tiền lãi}$ (tính đến ngày 03/01/2023) = $258.985.000\text{đồng cả gốc và lãi phải trả}$.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận về tiền gốc và tiền lãi. Vì vậy cần buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Vì vậy nguyên đơn không phải chịu án phí DSST.

[6] Về áp dụng án lệ: Nghiên cứu các bản án lệ do TAND tối cao công bố, không có vụ án nào tương tự như vụ án đang được xét xử. Vì vậy, HĐXX không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

[7] Xét ý kiến của Kiểm Sát Viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật.

Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nội dung vụ án. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm này.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 và khoản 1, điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228, Điều 264, 266, 267 khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 3 Điều 40, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu về tiền gốc và tiền lãi của nguyên đơn.

1/ Buộc chị Trần Thị Tuyết N phải trả cho ông Trần Chí T và bà Võ Thị X tổng số tiền: $258.985.000\text{đồng}$ (trong đó $200.000.000\text{đồng tiền gốc}$, $58.985.000\text{đồng tiền lãi}$)

Kể từ ngày ông Trần Chí T và bà Võ Thị X có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng chị Trần Thị Tuyết N, phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Trần Thị Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 12.949.000 đồng án phí DSST. Án phí nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Ông Trần Chí T thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

3/Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;
- Thi hành án DS huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, quyết định./.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Xuân Thuận

